Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B1	6	46		4	60	Viết	5	29	12	c1	51		5	5	4	5	19	4	c2	21	44		
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B1	6	46		4	60	Viết	6	30	12	c2	51		6	6	4								
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B2	6	60		4	60	Viết	5	29	12	c1	51		5	5	4	5	19	4	c2	22	44		
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B2	6	60		4	60	Viết	6	30	12	c2	51		6	6	4								
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B3	6	55		4	60	Viết	5	29	12	c2	52		5	5	4	5	19	4	c2	23	51		
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B3	6	55		4	60	Viết	6	30	12	c1	52		6	6	4								
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B4	6	57		4	60	Viết	5	29	12	c2	52		5	5	4	5	19	4	c2	24	51		
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B4	6	57		4	60	Viết	6	30	12	c1	52		6	6	4								
	Cường	Điều khiển hệ thống t	09B5	6	52		4	60	Viết	3	27	12	c1	24		3	3	4	5	19	4	c2	42	51		
	Cường	Điều khiển hệ thố	09B5	6	52		4	60	Viết	3	27	12	c2	24		3	3	4								
	Cường	Điều khiển hệ thố	09B6						Viết										5	19	4	c2	43	51		
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B3	6	55		4	60	BTL	7	7	1	s1	44		7	14	4	3	24	4	c1	24		09B6+9	Đoàn
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B3	6	55		4	60	BTL	7	7	1	s2	44		7	14	4							09B6+9	
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B4	6	57		4	60	BTL	7	7	1	c1	44		7	14	4	3	26	4	c1	24		09B6+7	Đoàn
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B4	6	57		4	60	BTL	7	7	1	c2	44		7	14	4							09B6+7	
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B5	6	52		4	60	BTL	5	29	12	c1	43		5	5	4	5	12	4	c1	22		09B6+14	Đoàn
	Đoàn	Lập trình trên Windo	09B5	6	52		4	60	BTL	5	29	12	c2	43		5	5	4							09B6+14	
	Hòa	Lập trình hướng đối t	710B1,	4	73		6	90	BTL	cn	8	1	s1	24		cn	15	4	cn	29	4	s1	24			Hòa
	Hòa	Lập trình hướng đối t	710B1,	4	73		6	90	BTL	cn	8	1	s2	24		cn	15	4								
	Hòa	Lập trình hướng đối t	709B1	4	2	710B1	6	90	BTL	cn	8	1	s2	24		cn	15	4	cn	29	4	s1	24			
	Hùng	Hệ điều hành	710B1,	4	73		4	60	BTL	4	28	12	c1	43		4	28	3	4	18	4	c1	43			Hùng
	Hùng	Hệ điều hành	710B1,	4	73		4	60	BTL	4	28	12	c2	43		4	28	3								

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B1	6	46		4	60	Viết	7	7	1	s1	51		7	14	4	6	27	4	c2	21	44		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B1	6	46		4	60	Viết	7	7	1	s2	51		7	14	4								
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B2	6	60		4	60	Viết	7	7	1	s1	51		7	14	4	6	27	4	c2	22	43		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B2	6	60		4	60	Viết	7	7	1	s2	51		7	14	4								
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B3	6	55		4	60	Viết	cn	15	1	s1	51		cn	15	4	6	27	4	c2	23	44		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B3	6	55		4	60	Viết	cn	15	1	s2	51		cn	15	4								
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B4	6	57		4	60	Viết	cn	15	1	s1	51		cn	15	4	6	27	4	c2	24	51		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B4	6	57		4	60	Viết	cn	15	1	s2	51		cn	15	4								
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	708B1		1	09B4	4	60	Viết	cn	15	1	s2	51		cn	15	4	6	27	4	c2		51		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B5	6	52		4	60	Viết	7	7	1	c1	24		7	14	4	6	27	4	c2	41	51		
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B5	6	52		4	60	Viết	7	7	1	c2	24		7	14	4								
	Hương	Phân tích và thiết kế	09B5	6	52		4	60	BTL	6	30	12	c1	24		6	30	3	6	20	4	c1	24		09B6+14	Hương
	Hương	Phân tích và thiết kế	09B5	6	52		4	60	BTL	6	30	12	c2	24		6	30	3							09B6+14	
	Hương	Phân tích và thiết kế	507B1		1	09B5	4	60	BTL	6	30	12	c2	24		6	30	3	6	20	4	c1	24			

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10->C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Huy	Quản trị mạng	09B5	6	52		4	60	BTL	2	26	12	c1	43		2	2	4	2	16	4	c1	43		09B6+14	Huy
	Huy	Quản trị mạng	09B5	6	52		4	60	BTL	2	26	12	c2	43		2	2	4							09B6+14	
	Huy	Quản trị mạng	08B5		1	09B5	4	60	BTL	2	26	12	c2	43		2	2	4	2	16	4	c1	43			
	Huy	Quản trị mạng	507B1		2	09B5	4	60	BTL	2	26	12	c2	43		2	2	4	2	16	4	c1	43			
	Huy	Quản trị mạng	09B1	6	46		4	60	BTL	3	27	12	c2	51		3	27	3	3	17	4	c1	51		09B6+18	Huy
	Huy	Quản trị mạng	09B2	6	60		4	60	BTL	3	27	12	c2	51		3	27	3							09B6+2	
	Huy	Quản trị mạng	09B3	6	55		4	60	BTL	3	27	12	c1	52		3	27	3	3	10	4	c1	52		09B6+9	Huy
	Huy	Quản trị mạng	09B4	6	57		4	60	BTL	3	27	12	c1	52		3	27	3							09B6+7	
	Huy	Quản trị mạng	09B1	6	46		4	60	BTL	4	4	1	s1	51		4	28	3							09B6+18	
	Huy	Quản trị mạng	09B2	6	60		4	60	BTL	4	4	1	s1	51		4	28	3	4	11	4	c1	52		09B6+2	Huy
	Huy	Quản trị mạng	09B3	6	55		4	60	BTL	4	4	1	s2	52		4	28	3							09B6+9	
	Huy	Quản trị mạng	09B4	6	57		4	60	BTL	4	4	1	s2	52		4	28	3	4	18	4	c1	52		09B6+7	Huy
	Hương	Nguyên lý 2 (KTCT	09B6						Viết										6	27	4	c2	42	43		
	Long	Kỹ thuật ĐT	710B1	4	73		4		Viết	6	30	12	c1	23		6	30	3	6	13	4	s1	42			
	Long	Kỹ thuật ĐT	710B2	4	73		4		Viết	6	30	12	c2	23		6	30	3	6	13	4	s1	43			
	Long	Kỹ thuật ĐT	709B1		2	710B	4		Viết	6	30	12	c2	23		6	30	3	6	13	4	s1	43			
	Long a	Lập trình trên Windo	09B1	6	46		4	60	BTL	2	26	12	s1	44		2	9	4	2	23	4	s1	44		09B6+18	Long a
	Long a	Lập trình trên Windo	09B1	6	46		4	60	BTL	2	26	12	s2	44		2	9	4							09B6+18	
	Long a	Lập trình trên Windo	09B2	6	60		4	60	BTL	2	26	12	c1	44		2	9	4	4	25	4	c1	23		09B6+2	Long a
	Long a	Lập trình trên Windo	09B2	6	60		4	60	BTL	2	26	12	c2	44		2	9	4							09B6+2	

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B1	6	46		4	60	BTL	4	4	1	s2	51		4	28	3							09B6+18	
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B1	6	46		4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43		09B6+18	Phùng
	Phùng	Phân tích và thiết kế	08B4		2	09B1	4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43			
	Phùng	Phân tích và thiết kế	07B3		1	09B1	4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43			
	Phùng	Phân tích và thiết kế	08B1		1	09B1	4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43			
	Phùng	Phân tích và thiết kế	08B2		1	09B1	4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43			
	Phùng	Phân tích và thiết kế	507B1		1	09B1	4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	23	3	6	20	4	c1	43			
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B2	6	60		4	60	BTL	4	4	1	s2	51		4	28	3	4	18	4	s1	23		09B6+2	Phùng
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B2	6	60		4	60	BTL	6	30	12	c1	51		6	30	3							09B6+2	
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B3	6	55		4	60	BTL	4	4	1	s1	52		4	28	3	4	11	4	s1	23		09B6+9	Phùng
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B3	6	55		4	60	BTL	6	30	12	c2	52		6	30	3							09B6+9	
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B4	6	57		4	60	BTL	4	4	1	s1	52		4	28	3							09B6+7	
	Phùng	Phân tích và thiết kế	09B4	6	57		4	60	BTL	6	30	12	c2	52		6	30	3	6	13	4	c1	44		09B6+7	Phùng
	Phương	Đường lối cách mạng	710B1	4	73		3	45	Viết	2	26	12	c1	24		2	26	3	6	13	4	s2	42			
	Phương	Đường lối cách mạng	710B2	4	73		3	45	Viết	2	26	12	c2	24		2	26	3	6	13	4	s2	43			
	Phương	Đường lối cách mạng	709B1		2	710B1,2	3	45	Viết	2	26	12	c2	24		2	26	3	6	13	4	s2	43			
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	710B1	4	73		4	60	Viết	5	29	12	c1	24		5	29	3	5	19	4	c1	22			
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	710B2	4	73		4	60	Viết	5	29	12	c2	24		5	29	3	5	19	4	c1	23			
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	709B1		1	710B1,2	4	60	Viết	5	29	12	c2	24		5	29	3	5	19	4	c1	23			

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10->C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Sơn	Thương mại điện tử	09B2	6	60		4	60	BTL	3	27	12	c1	23		3	27	3	3	17	4	c1	23		09B6+2	Sơn
	Sơn	Thương mại điện tử	09B2	6	60		4	60	BTL	5	29	12	c2	23		5	29	3							09B6+2	
	Sơn	Thương mại điện tử	08B5		5	09B2	4	60	BTL	5	29	12	c2	23		5	22	3	3	17	4	c1	23			
	Sơn	Thương mại điện tử	09B4	6	57		4	60	BTL	3	27	12	c2	23		3	27	3	3	24	4	c1	23		09B6+7	Sơn
	Sơn	Thương mại điện tử	09B4	6	57		4	60	BTL	5	29	12	c1	23		5	29	3							09B6+7	
	Sơn	Thương mại điện tử	08B3		1	09B4	4	60	BTL	5	29	12	c1	23		5	29	3	3	24	4	c1	23			
	Sơn	Thương mại điện tử	09B5	6	52		4	60	BTL	4	28	12	c1	24		4	28	3	4	18	4	c1	24		09B6+14	Sơn
	Sơn	Thương mại điện tử	09B5	6	52		4	60	BTL	4	28	12	c2	24		4	28	3							09B6+14	
	Sơn	Thương mại điện tử	07B3		1	09B5	4	60	BTL	4	28	12	c2	24		4	28	3	4	18	4	c1	24			
	Sơn	Thương mại điện tử	08B4		1	09B5	4	60	BTL	4	28	12	c2	24		4	28	3	4	18	4	c1	24			
	Tùng	Thương mại điện tử	09B1	6	46		4	60	BTL	3	27	12	c1	51		3	27	3							09B6+18	
	Tùng	Thương mại điện tử	09B1	6	46		4	60	BTL	5	29	12	c2	51		5	22	3	5	12	4	c1	51		09B6+18	Tùng
	Tùng	Thương mại điện tử	08B2		5	09B1	4	60	BTL	5	29	12	c2	51		5	22	3	5	12	4	c1	51			
	Tùng	Thương mại điện tử	08B6		3	09B1	4	60	BTL	5	29	12	c2	51		5	22	3	5	12	4	c1	51			
	Tùng	Thương mại điện tử	09B3	6	55		4	60	BTL	3	27	12	c2	52		3	27	3	5	26	4	c1	23		09B6+9	Tùng
	Tùng	Thương mại điện tử	09B3	6	55		4	60	BTL	5	29	12	c1	52		5	22	3							09B6+9	
	Tùng	Thương mại điện tử	08B4		2	09B5	4	60	BTL							3	27	3	5	26	4	c1	23			
	Xuân	Cơ sở dữ liệu	710B1,	4	73	710B1	4		BTL	3	27	12	c1	43		3	27	3	3	10	4	c1	43			Xuân
	Xuân	Cơ sở dữ liệu	709B1		11	710B	4		BTL	3	27	12	c1	43		3	27	3	3	10	4	c1	43			
	Xuân	Cơ sở dữ liệu	710B1,	4	73		4		BTL	3	27	12	c2	43		3	27	3								
	Xuân	Cơ sở dữ liệu	709B2		10	710B1	4		BTL	3	27	12	c2	43		3	27	3	3	10	4	c1	43			
																										5

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Địch	Toán rời rạc	10B1	4	55		4	60	Viết	2	30	1	s2	21		2	9	4	3	8	5	c2	21	43		
	Địch	Toán rời rạc	10B1	4	55		4	60	Viết	4	1	2	s1	43		4	11	4								
	Địch	Toán rời rạc	08B4		1	10B1	4	60	Viết	4	1	2	s1	43		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	08B6		2	10B1	4	60	Viết	4	1	2	s1	43		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	507B1		1	10B1	4	60	Viết	4	1	2	s1	43		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	504B1		1	10B1	4	60	Viết	4	1	2	s1	43		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	10B2	4	56		4	60	Viết	2	30	1	s1	22		2	9	4	3	8	5	c2	22	43		
	Địch	Toán rời rạc	10B2	4	56		4	60	Viết	4	1	2	S2	44		4	11	4								
	Địch	Toán rời rạc	08B4		1	10B2	4	60	Viết	4	1	2	S2	44		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	08B5		1	10B2	4	60	Viết	4	1	2	S2	44		4			3	8	5	c2		51		
	Địch	Toán rời rạc	10B3	4	57		4	60	Viết	5	2	2	c1	41		5	19	4								
	Địch	Toán rời rạc	10B3	4	57		4	60	Viết	7	4	2	c2	43		7	21	4	3	8	5	c2	23	44		
	Địch	Toán rời rạc	10B6	4	55		4	60	Viết	5	2	2	c2	42		5	19	4	3	8	5	c2	43	51		
	Địch	Toán rời rạc	10B6	4	55		4	60	Viết	7	4	2	c1	42		7	21	4								
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B4	4	55		4	60	BTL	6	3	2	s1	52		6	13	4								
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B4	4	55		4	60	BTL	6	3	2	s2	52		6	13	4	6	11	5	s1	42			Đông
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	08B4		3	10B4	4	60	BTL	6	3	2	s1	52		6			6	11	5	s1	42			
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	507B1		1	10B4	4	60	BTL	6	3	2	s2	52		6			6	11	5	s1	42			
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B5	4	50		4	60	BTL	6	3	2	s1	52		6	13	4								
	Đông	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B5	4	50		4	60	BTL	6	3	2	s2	52		6	13	4	4	9	5	c1	24			Đông

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10->C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B3	4	57		6	90	BTL	3	31	1	c1	21		3	17	4								
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B3	4	57		6	90	BTL	6	3	2	c2	21		6	20	4	3	15	5	c1	22			Dũng a
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	507B1		2	10B3	6	90	BTL	6	3	2	c2	21		6			3	15	5	c1	22			
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B4	4	55		6	90	BTL	4	1	2	c1	21		4	18	4	4	9	5	c1	41			Dũng a
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B4	4	55		6	90	BTL	7	4	2	c2	21		7	21	4								
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B5	4	50		6	90	BTL	4	1	2	c2	22		4	17	4								
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B5	4	50		6	90	BTL	7	4	2	c1	22		7	21	4	4	16	5	c1	41		4	Dũng a
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B5*		1	10B5	6	90	BTL	7	4	2	c1	22		7			4	16	5	c1	41			
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B6	4	55		6	90	BTL	3	31	1	c2	22		3	17	4								
	Dũng a	Hệ quản trị CSDL (L	10B6	4	55		6	90	BTL	6	3	2	c1	22		6	20	4	6	11	5	c1	22			Dũng a
	Dũng B	Bảo trì hệ thống máy	507B1	9	36		3		BTL	6	30	12	t	21		6	27	4	6	18	5	t	21			Dũng B
	Dũng B	Bảo trì hệ thống máy	504B1	9	1	507B	3		BTL	6	30	12	t	21		6	27	4	6	18	5	t	21			
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	10B1	4	55		6	90	BTL	5	2	2	s1	21		5	19	4								
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	10B1	4	55		6	90	BTL	6	3	2	s2	21		6	13	4	6	11	5	s1	43			Hòa
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	08B2		5	10B1	6	90	BTL	6	3	2	s2	21		6			6	11	5	s1	43			
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	08B3		4	10B1	6	90	BTL	6	3	2	s2	21		6			6	11	5	s1	43			
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	09B5		12	10B1	6	90	BTL	6	3	2	s2	21		6			6	11	5	s1	43			
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	10B2	4	56		6	90	BTL	5	2	2	s2	22		5	19	4								
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	10B2	4	56		6	90	BTL	6	3	2	s1	22		6	13	4	5	17	5	s1	42			Hòa
	Hòa	Hệ quản trị CSDL (L	08B4		2	10B2	6	90	BTL	6	3	2	s1	22		6			5	17	5	s1	42			

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10->C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Hùng	An ninh mạng	504B1		1	507B1	3	45	BTL	5	29	12	t	21		5			5	9	5	t	21			
	Hùng	An ninh mạng	506B1		1	507B1	3	45	BTL	5	29	12	t	21		5			5	9	5	t	21			Hùng
	Hùng	An ninh mạng	507B1	9	36		3	45	BTL	5	29	12	t	21		5	26	4	5	9	5	t	21			Hùng
	Hùng	Chuyên đề (Đồ họa)	507B1	9	36		3	45	BTL	3	27	12	t	34		3	24	4	3	8	5	t	34			Hùng
	Hùng	Hệ điều hành	10B5	4	50		4	60	BTL	3	31	1	C1	42		3	10	4								
	Hùng	Hệ điều hành	10B5	4	50		4	60	BTL	3	31	1	c2	42		3	10	4	3	15	5	c1	41			Hùng
	Hùng	Hệ điều hành	10B5*		1	10B5	4	60	BTL	3	31	1	c2	42		3			3	15	5	c1	41			
	Hùng	Hệ điều hành	507B1		3	10B5	4	60	BTL	3	31	1	c2	42		3			3	15	5	c1	41			
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B1	4	55		4	60	Viết	5	2	2	s2	21		5	12	4	6	27	4	c1	21	43		
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B1	4	55		4	60	Viết	6	3	2	s1	21		6	13	4								
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B2	4	56		4	60	Viết	5	2	2	s1	22		5	12	4	6	27	4	c1	22	43		
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B2	4	56		4	60	Viết	6	3	2	s2	22		6	13	4								
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B4	4	55		4	60	Viết	4	1	2	c2	21		4	18	4	6	27	4	c1	23	44		
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B4	4	55		4	60	Viết	7	4	2	c1	21		7	21	4								
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B5	4	50		4	60	Viết	4	1	2	c1	22		4	18	4	6	27	4	c1	41	51		
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	10B5	4	50		4	60	Viết	7	4	2	c2	22		7	21	4								
	Lan	Tiếng Anh máy tính 1	09B6		1	10B5	4	60	Viết	7	4	2	c2	22		7			6	27	4	c1		51		
	Long A	Lập trình JAVA	507B1	9	36		4	45	BTL	2	26	12	t	21		2	23	4	2	14	5	t	21			Long A
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	10B3	4	57		4	60	Viết	3	31	1	c2	21		3	17	4	6	27	4	c1	23	44		
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	10B3	4	57		4	60	Viết	6	3	2	c1	21		6	20	4								
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	507B1		1	10B3	4	60	Viết	6	3	2	c1	21		6			6	27	4	c1		51		
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	10B6	4	55		4	60	Viết	3	31	1	c1	22		3	17	4	6	27	4	c1	42	51		
	Phương	Tiếng Anh máy tính 1	10B6	4	55		4	60	Viết	6	3	2	c2	22		6	20	4								

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B1	4	55		4	60	BTL	2	30	1	s1	21		2	9	4								
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B1	4	55		4	60	BTL	4	1	2	s2	43		4	11	4	2	7	5	s1	21			Tâm
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	08B2		1	10B1	4	60	BTL	4	1	2	s2	43		4			2	7	5	s1	21			
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	08B6		1	10B1	4	60	BTL	4	1	2	s2	43		4			2	7	5	s1	21			
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	09B5		2	10B1	4	60	BTL	4	1	2	s2	43		4			2	7	5	s1	21			
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B2	4	56		4	60	BTL	2	30	1	s2	22		2	16	4								
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B2	4	56		4	60	BTL	4	1	2	s1	44		4	11	4	4	9	5	s1	44			Tâm
	Tâm	Cơ sở dữ liệu quan hệ	08B4		1	10B2	4	60	BTL	4	1	2	s1	44		4			4	9	5	s1	44			
	Thành	Toán rời rạc	10B4	4	55		4	60	Viết	2	30	1	c1	41		2	9	4								
	Thành	Toán rời rạc	10B4	4	55		4	60	Viết	5	2	2	s1	44		5	12	4	3	8	5	c2	24	44		
	Thành	Toán rời rạc	10B5	4	50		4	60	Viết	2	30	1	c2	42		2	9	4	3	8	5	c2	41	51		
	Thành	Toán rời rạc	10B5	4	50		4	60	Viết	5	2	2	s2	42		5	12	4								
	Thùy	Xác suất và thống kê	07B3		1	10B5	4	60	Viết	5	2	2	s1	42		5			6	18	5	c2		44		
	Thùy	Xác suất và thống kê	08B4		3	10B4	4	60	Viết	5	2	2	s2	44		5			6	18	5	c2		44		
	Thùy	Xác suất và thống kê	10B4	4	55		4	60	Viết	2	30	1	c2	41		2	16	4	6	18	5	c2	24	44		
	Thùy	Xác suất và thống kê	10B4	4	55		4	60	Viết	5	2	2	s2	44		5	19	4								
	Thùy	Xác suất và thống kê	10B5	4	50		4	60	Viết	2	30	1	c1	42		2	16	4	6	18	5	c2	41	51		
	Thùy	Xác suất và thống kê	10B5	4	50		4	60	Viết	5	2	2	s1	42		5	19	4								

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10->C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B1	4	55		4	60	Viết	7	4	2	s1	52		7	5	5	6	18	5	c2	21	43		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B1	4	55		4	60	Viết	7	4	2	s2	52		7	5	5								
	Trang	Xác suất và thống kê	08B4		1	10B1	4	60	Viết	7	4	2	s2	52		7			6	18	5	c2		51		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B2	4	56		4	60	Viết	7	4	2	s1	52		7	5	5	6	18	5	c2	22	43		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B2	4	56		4	60	Viết	7	4	2	s2	52		7	5	5								
	Trang	Xác suất và thống kê	08B2		2	10B2	4	60	Viết	7	4	2	s2	52		7			6	18	5	c2		51		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B3	4	57		4	60	Viết	2	30	1	s2	41		2	16	4	6	18	5	c2	23	44		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B3	4	57		4	60	Viết	4	1	2	s1	41		4	11	4								
	Trang	Xác suất và thống kê	10B6	4	55		4	60	Viết	2	30	1	s1	42		2	16	4	6	18	5	c2	42	51		
	Trang	Xác suất và thống kê	10B6	4	55		4	60	Viết	4	1	2	s2	42		4	11	4								
	Trang	Xác suất và thống kê	08B6		1	10B6	4	60	Viết	4	1	2	s2	42		4			6	18	5	c2		51		
	Tùng	Hệ điều hành	10B1	4	55		4	60	BTL	3	31	1	s1	51		3	10	4	3	24	4	s1	43			Tùng
	Tùng	Hệ điều hành	10B1	4	55		4	60	BTL	3	31	1	s2	51		3	10	4								
	Tùng	Hệ điều hành	10B2	4	56		4	60	BTL	3	31	1	s1	51		3	10	4	2	14	5	s1	42			Tùng
	Tùng	Hệ điều hành	10B2	4	56		4	60	BTL	3	31	1	s2	51		3	10	4								
	Tùng	Hệ điều hành	10B3	4	57		4	60	BTL	2	30	1	s1	41		2	9	4								
	Tùng	Hệ điều hành	10B3	4	57		4	60	BTL	4	1	2	s2	41		4	11	4	4	25	4	s1	41			Tùng
	Tùng	Hệ điều hành	08B2		1	10B3	4	60	BTL	4	1	2	s2	41		4			4	25	4	s1	41			
	Tùng	Hệ điều hành	10B4	4	55		4	60	BTL	3	31	1	C1	41		3	10	4								
	Tùng	Hệ điều hành	10B4	4	55		4	60	BTL	3	31	1	c2	41		3	10	4	3	15	5	c1	41			Tùng
	Tùng	Hệ điều hành	10B6	4	55		4	60	BTL	2	30	1	s2	42		2	9	4	2	7	5	s1	42			Tùng
	Tùng	Hệ điều hành	10B6	4	55		4	60	BTL	4	1	2	s1	42		4	11	4								

Lịch Kêt thúc & thi HK II (11 12) K09, k10, &710B1,2, 507B1) Đợt 2

S1: 6g45 -> 9g; S2 : 9g10-> C1: 12g45-> 15g; C2: 15g10-> 17g25; T : 18g -> 20g40

TT	Thầy, cô	Giảng môn	Lớp	Kỳ	SL SV	cùng lớp	HT TC	ST	Thi	Ngày học						Ngày kết thúc			Ngày thi						Ghi chú	chấm bài Test
										Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca	Thứ	Nga	th	Thứ	Nga	th	Thời gian	ph	ca		
	Tùng	Lập trình WEB	507B1	9	36		6	60	BTL	4	28	12	t	21		4	25	4	4	16	5	t	21			Tùng
	Tùng	Lập trình WEB	506B1		2	507B1	6	60	BTL	4	28	12	t	21		4			4	16	5	t	21			
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B3	4	57		4	60	BTL	5	2	2	c2	41		5	12	4								
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B3	4	57		4	60	BTL	7	4	2	c1	43		7	14	4	5	10	5	c1	21			Xuân
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	07B1		2	10B3	4	60	BTL	7	4	2	c1	43		7			5	10	5	c1	21			
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B6	4	55		4	60	BTL	5	2	2	c1	42		5	19	4								
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	10B6	4	55		4	60	BTL	7	4	2	c2	42		7	21	4	5	17	5	c1	21			Xuân
	Xuân	Cơ sở dữ liệu quan hệ	08B6		1	10B6	4	60	BTL	7	4	2	c2	42		7										

Hà nội, ngày 24/03/2012

Lập bảng

Chủ nhiệm khoa Duyệt

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả

Ký trả